

NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ NÔNG DÂN TRUNG QUỐC: BIẾN ĐỔI VÀ PHÁT TRIỂN*

LỤC HỌC NGHỀ

Kể từ khi thành lập nước CHND Trung Hoa năm 1949, đặc biệt là từ năm 1978, kinh tế - xã hội Trung Quốc phát triển nhanh. Năm 2004, GDP của Trung Quốc đạt 15987,8 tỷ NDT (bình quân đầu người đạt 1549 USD), trong đó nhóm ngành thứ nhất (nông nghiệp) chiếm 13,1%, nhóm ngành thứ hai (công nghiệp) chiếm 46,6%, nhóm ngành thứ ba (dịch vụ) chiếm 40,3% tổng GDP. Trong số 752 triệu việc làm, dân số lao động nông nghiệp chiếm 46,9%, việc làm nhóm ngành công nghiệp chiếm 22,5%, việc làm nhóm ngành dịch vụ chiếm 30,6%. Dân số toàn quốc là 1,29988 tỷ người, trong đó dân số thành thị là 542,83 triệu người, mức độ đô thị hoá đạt 41,76%. Hiện nay, Trung Quốc đang chuyển từ nước nông nghiệp truyền thống sang nước công nghiệp hiện đại.

Thập kỷ 50 (thế kỷ XX), Trung Quốc học tập Liên Xô thực hiện thể chế kinh tế kế hoạch. Do vậy, từ cải cách mở cửa đến nay, cùng với việc thực hiện công nghiệp hoá đất nước, còn thực hiện chuyển đổi thể chế kinh tế kế hoạch chuyển sang thể chế kinh tế thị trường XHCN. Chuyển biến xã hội và chuyển đổi kinh tế diễn ra đồng thời. Đó là đặc điểm cơ bản trong phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc từ cải cách mở cửa đến nay. Đây vừa có thể coi là nguyên nhân những thành công trong phát triển kinh tế xã hội hơn 20 năm qua, cũng có thể dùng để giải thích những vấn đề kinh tế, xã hội nảy sinh những năm gần đây. Bản thân tôi cho rằng, Trung Quốc giành được những thành tựu kinh tế to lớn đó, một mặt quan trọng là Trung Quốc đã thành công trong việc chuyển đổi từ thể chế kinh tế kế hoạch sang thể chế kinh tế thị trường XHCN. Thông qua cải cách, điều chỉnh quan hệ sản xuất, giải phóng được sức sản xuất, huy động được tính tích cực của đông đảo nhân dân, làm cho xã hội tràn đầy sức sống, kinh tế - xã hội và các sự nghiệp khác phát triển và phồn vinh như ngày nay.

Tuy vậy, thể chế kinh tế kế hoạch đã thực hiện tại Trung Quốc hàng mấy chục năm, đã thấm sâu vào các mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá,... có thể nói là thâm căn cố đế. Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng cải cách rất khó, và nhiệm vụ cải cách vẫn chưa hoàn thành. Nói chung, chúng tôi coi trọng cải cách thể chế kinh tế, đã nỗ lực và giành được thành công (tuy vẫn còn một số vấn đề chưa giải quyết), còn về cải cách thể chế xã hội cũng mới bắt đầu. Cải cách và phát triển thành thị đạt được nhiều thành tựu, cải cách nông thôn vốn đi trước và giành được thắng lợi bước đầu, song cải cách nông thôn không liên tục. Thập kỷ 80 xuất hiện cải cách nông thôn bước thứ hai, nhưng không được thực hiện, chỉ khi sản xuất nông nghiệp phát sinh vấn đề mới tiến hành điều chỉnh chính sách. Những chế độ như hộ khẩu, hộ tịch, ruộng đất, tín dụng không có lợi cho sự phát triển của nông thôn hình thành trong nền kinh tế kế

* Bài tham luận tại Hội thảo quốc tế: “Vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân: Kinh nghiệm của Trung Quốc và Việt Nam” do Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện Trung Quốc tổ chức ngày 30 - 31 tháng 10 năm 2007 tại Hà Nội.

hoạch chưa được cải cách tương ứng. Do vậy, hơn 20 năm qua, chính quyền tuy đã coi trọng phát triển nông nghiệp, luôn đặt công tác nông nghiệp, nông thôn ở vị trí hàng đầu, cũng đầu tư nhân lực, vật lực và tài chính tương đối, sản xuất nông nghiệp cũng đạt được thành tích, song tình hình nông thôn vẫn lúc tốt lúc xấu, vấn đề kinh tế - xã hội tích tụ ngày càng nhiều. Nguyên nhân chủ yếu là vẫn tồn tại một số trở ngại mang tính thể chế trong phát triển nông thôn. Không cải cách được những trở ngại mang tính thể chế trong phát triển nông thôn theo yêu cầu của thể chế kinh tế thị trường XHCN thì nhiều vấn đề của nông thôn sẽ không thể giải quyết tốt. Mục tiêu và nhiệm vụ xây dựng nông thôn XHCN giai đoạn mới cũng khó thực hiện.

Tháng 10 - 1998, Hội nghị BCH Trung ương 3 khóa XV của ĐCS Trung Quốc đã bàn sâu về công tác nông nghiệp, nông thôn, thông qua một quyết định quan trọng. Quyết định chỉ rõ: “Dân số hơn 1,2 tỷ người, trong đó hơn 900 triệu người ở nông thôn là tình hình cơ bản của Trung Quốc. Vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân là vấn đề lớn quan hệ tới đại cục cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa. Không có sự ổn định của nông thôn thì không có sự ổn định của toàn quốc, không có khá giả của nông dân thì không có khá giả của toàn quốc, không có hiện đại hóa nông nghiệp thì không có hiện đại hóa của toàn bộ nền kinh tế quốc dân”. Đoạn văn kiện trên chuyên về “tam nông” được lan truyền rộng rãi và nhận được sự nhận thức chung của xã hội. Mặc dù nói như vậy và qua gắng sức thì nông nghiệp nông thôn cũng có bước phát triển nhất định, song vấn đề “tam nông” vẫn chưa được giải quyết, một số mặt thậm chí còn nghiêm trọng hơn. Tết năm 2000, Bí thư Đảng uỷ một xã của huyện Lâm Lợi, tỉnh Hồ Bắc - Lý Xương Bình nói “nông dân rất khổ, nông thôn rất nghèo, nông nghiệp rất nguy”. Câu này đã miêu tả sự khốn khó của vấn đề “tam nông”. Lúc đầu nhiều người không tin, nông thôn làm gì đến mức như thế? Có lãnh đạo đã cử người xuống điều tra cụ thể. Thực tế chứng minh, đây không chỉ là vấn đề của một xã, một huyện, mà là tình trạng phổ biến của nông thôn miền Trung và miền Tây và bộ phận nhỏ nông thôn miền Đông.

Tháng 10 - 2002, Báo cáo Chính trị của đại hội XVI ĐCS Trung Quốc chỉ rõ: “cơ cấu nhị nguyên thành thị nông thôn vẫn chưa chuyển biến”, phải từng bước thay đổi “xu thế chênh lệch giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, giữa các khu vực”. Báo cáo nêu ra phương châm chiến lược “thống nhất quy hoạch phát triển kinh tế nông thôn, tăng thu nhập cho nông dân”. Tháng 12 - 2002, tại Hội nghị Bộ Chính trị ĐCS Trung Quốc, đồng chí Hồ Cẩm Đào chỉ rõ, làm tốt công tác tam nông là trọng tâm hàng đầu trong công tác của toàn Đảng. Tháng 10 - 2005, Hội nghị Trung ương 5 khóa XVI của ĐCS Trung Quốc đã nêu ra nhiệm vụ chiến lược xây dựng nông thôn XHCN giai đoạn mới, hiện nay đang được triển khai rầm rộ trong toàn quốc. Từ Đại hội XVI đến nay, Đảng và Nhà nước đã rất coi trọng giải quyết vấn đề Tam nông, thực hiện một số cải cách mang tính thể chế, đầu tư nhiều nhân lực, vật lực và tài chính để thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển, giải quyết được vấn đề cho một bộ phận nông dân, thu nhập của nông dân đã được nâng cao hơn nhiều. Song vấn đề “tam nông” vẫn còn rất nghiêm trọng, chênh lệch thành thị nông thôn vẫn tiếp

tục mở rộng, quan hệ thành thị - nông thôn vẫn bất hợp lý, mấy năm lại đây còn nảy sinh vấn đề hơn 40 triệu nông dân mất đất, mất nghề, mất quyền lợi. Trật tự xã hội nông thôn vẫn chưa tốt. Tại sao xuất hiện tình trạng này? Xét cho cùng là bởi vì cải cách thể chế nông thôn vẫn chưa triệt để, cơ cấu nhị nguyên kinh tế xã hội thành thị nông thôn vẫn chưa được giải quyết cơ bản. Đúng như Đặng Tiểu Bình đã từng nói, chế độ quan trọng hơn con người. “Vấn đề chế độ lãnh đạo, chế độ tổ chức có tính cơ bản, tính toàn cục, tính ổn định và tính lâu dài,... nếu không cải cách kiên quyết những yếu kém trong chế độ hiện hành, thì những vấn đề nghiêm trọng trước đây sẽ tái phát”¹.

Nhìn lại quá trình cải cách mở cửa, và vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân diễn tiến đến ngày nay có thể đưa ra một nhận định: “vấn đề nông nghiệp đã giải quyết về cơ bản, vấn đề nông dân và vấn đề nông thôn vẫn còn nghiêm trọng và chưa giải quyết tốt”.

I. VẤN ĐỀ NÔNG NGHIỆP

Sau khi thành lập nước CHND Trung Hoa (1949), chính phủ các nhiệm kỳ đều coi trọng phát triển nông nghiệp và đã rất cố gắng. Tuy nhiên do thực hiện thể chế kinh tế kế hoạch, thực hiện các biện pháp công xã nhân dân, không thể phát huy tính tích cực sản xuất của đông đảo nhân dân, sản xuất nông nghiệp chập chờn, lương thực và các nông sản chủ yếu bị thiếu hụt nghiêm trọng. Mãi tới năm 1978, hơn 800 triệu nông dân vẫn khổ vì cái ăn, phải nhập khẩu lương thực để bù vào. Năm 1978 tiến hành cải cách mở cửa, nông thôn đi trước cải cách theo phương châm của đồng chí Đặng Tiểu Bình “một là dựa vào chính sách, hai là dựa vào khoa học”, tiến hành được hơn 20 năm và lần lượt bốn vụ mùa lớn vào các năm 1984, 1990, 1996 và năm 2004. Năm 1996 là năm được mùa lớn nhất, tổng sản lượng lương thực vượt 100 triệu tấn, các nông sản khác cũng được mùa, từ đó nông nghiệp của Trung Quốc bước vào thời kỳ phát triển mới. Cục diện thiếu lương thực và nông sản chủ yếu đã được thay đổi, hình thành cục diện mới cân bằng về tổng lượng, và mỗi năm thêm nhiều dôi dư, vấn đề cái ăn cho hơn 1,3 tỷ người đã được giải quyết, bảo đảm cho nhu cầu phát triển của kinh tế quốc dân. Từ năm 1997, mức xuất và nhập nông sản đạt mức cân bằng, có mấy năm đạt mức xuất siêu.

Mấy năm trước, chúng tôi thường nói Trung Quốc dùng 7% đất đai, nuôi sống được 22% dân số. Năm 1997, Cục đất đai nhà nước đã xác định tổng số đất canh tác của Trung Quốc là 1,95 tỷ mẫu. Năm 2004 còn là 1,84 tỷ mẫu. Hiện nay có thể nói, diện tích đất canh tác của Trung Quốc chiếm 9% của thế giới, nuôi sống được 21% dân số của thế giới. Do vậy mà nói vấn đề nông nghiệp của Trung Quốc được giải quyết về cơ bản. Bảng tổng sản lượng lương thực và nông sản các năm có thể minh chứng những thay đổi trong phát triển nông nghiệp của Trung Quốc.

¹ Đặng Tiểu Bình, Cải cách chế độ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Đặng Tiểu Bình văn tuyển tập, Tập 2, trang 333, Nxb nhân dân, năm 1994.

Bảng 1: Sản lượng lương thực và nông sản qua các năm

Năm	Tổng sản lượng lương thực (Triệu tấn)	Bình quân đầu người (Kg)	Sản lượng bông (Triệu tấn)	Bình quân đầu người (Kg)	Sản lượng thịt (Triệu tấn)	Bình quân đầu người	Sản lượng hoa quả (Triệu tấn)	Bình quân đầu người
1978	304,77	317	2,167	2,25	8,563	8,9	6,57	7,3
1980	320,56	327	2,707	2,8	12,05	12,2	6,79	6,9
1984	407,31	390	6,26	6	15,40	14,7	9,84	9,4
1985	379,11	361	4,147	3,9	17,60	16,3	11,63	10,8
1990	446,24	393	4,508	4	25,13	21,9	18,74	16,3
1991	435,29	376	5,675	4,9	27,23	23,5	21,76	18,8
1996	504,54	412	4,203	3,43	45,84	37,5	46,52	38
1997	494,17	400	4,603	3,7	52,69	34,6	50,89	41
1998	512,30	411	4,501	3,6	57,24	45,8	54,52	44
2000	462,18	366	4,417	3,5	61,25	38,3	62,25	49
2002	457,11	355	4,92	3,38	65,86	40,8		
2003	430,70	334	4,86	3,8	69,32	42,7	145,17	112
2004	469,47	361	6,26	4,8	72,43	55,7	153,40	118
2005	484,01	370	5,70	4,4	77,00	58,9	160,76	123

(Nguồn: Niên giám thống kê Trung Quốc các năm, Nxb Thống kê)

II. VẤN ĐỀ NÔNG DÂN

Vấn đề nông dân là hạt nhân của vấn đề tam nông. Đến nay chúng tôi vẫn chưa tìm được biện pháp tốt để giải quyết. Hiện tồn tại chủ yếu mấy vấn đề:

Một là, nông dân quá đông. Trong quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá của các nước trên thế giới, lao động nông nghiệp giảm dần, nông dân từng bước giảm số lượng. Năm 1953, Trung Quốc bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bắt đầu xây dựng công nghiệp hoá quy mô lớn. Năm 1952, dân số nông nghiệp là 500 triệu người, các năm sau đó số nông dân tăng lên. Năm 1952, dân số nông nghiệp là 501,39 triệu người, năm 1958 là 547,04 triệu người, sau đó xuất hiện “ba năm khó khăn”, chính quyền hạn chế nghiêm khắc chế độ hộ khẩu không cho dân nông nghiệp vào

thành thị, mức độ đô thị hoá xuống thấp. Tới năm 1978, số nông dân đạt 790,14 triệu người. Hơn 20 năm qua, số nông dân tăng thêm 243,1 triệu người, bình quân mỗi năm tăng 12,155 triệu người. Năm 2000 đạt mức cao nhất là 942,44 triệu nông dân. Năm 2001 số nông dân bắt đầu giảm xuống 941,75 triệu người, và giảm dần từng năm, tới nay Trung Quốc vẫn còn 900 triệu nông dân. Từ năm 1952 - 2006, qua hơn 50 năm tiến hành công nghiệp hoá, Trung Quốc đã trở thành nước công nghiệp lớn, song số nông dân lại nhiều thêm, trong 1,3 tỷ dân có tới 900 triệu nông dân. Đây là vấn đề lớn.

Hai là, nông dân quá nghèo. Trước hết, nông dân nghèo là nói so với thành tích từ khi cải cách mở cửa, nông dân chưa có được những lợi ích tương ứng. Đối với nông dân, mức sống được nâng cao, vấn đề ăn no được giải quyết. Năm 1978 có 250 triệu dân nghèo đói thì hiện nay chỉ còn hơn 20 triệu người. Tiếp đó, so với cư dân thành thị với mức tăng thu nhập nhanh thì mức tăng thu của nông dân chậm, chênh lệch quá lớn, nông dân có cảm giác bị bóc lột. Thời kỳ đầu cải cách, nhưng năm 1978 - 1985 chênh lệch cư dân thành thị nông thôn được thu hẹp. Sau năm 1985 mức chênh tăng trở lại đặc biệt là từ năm 1994, mức chênh không ngừng mở rộng.

Ba là, phân hoá nông dân. Trước hết phân hoá về ngành nghề. Trong số 900 triệu nông dân hiện nay có 490 triệu lao động, trong đó số lao động lấy nông nghiệp làm nghề chính là 250 triệu người. Ngoài ra, gần 200 triệu nông dân đi làm thuê, trong đó có 120 triệu nông dân vừa rời đất vừa rời làng vào đô thị làm ăn. Từ năm 1980 trở lại đây, nông dân từng bước phân hoá, có cán bộ và công nhân xí nghiệp hương trấn; có người làm ngành thương mại, ngành ăn uống, dịch vụ; có người làm nhân viên kỹ thuật, giáo viên, y bác sỹ,...trong số họ có những người đã rời nông thôn vào sinh sống tại các đô thị. Nhưng họ vẫn còn hộ khẩu nông nghiệp, chính quyền vẫn coi họ là nông dân. Năm 1989, tôi đã viết một bài “Xã hội học cần coi trọng vấn đề nông dân hiện nay”, nêu ra việc giai cấp nông dân đã phân hoá thành 8 tầng lớp và phân tích về vấn đề này. Tiếp đó, phân hoá về tài sản và thu nhập. Trong số những người hộ khẩu nông nghiệp, có người giàu có lên, trở thành những triệu phú, tỷ phú, nhưng cũng có người vẫn còn nghèo. Trước đây trong một công xã nhân dân hay một đại đội sản xuất, mọi người cùng nhau sản xuất, cùng nhau sinh hoạt, thu nhập không chênh lệch nhiều. Hiện nay, trong một xã hay trong thôn, một số người giàu lên, ở nhà như biệt thự, song số nhiều vẫn còn nghèo, nhà cửa bình thường, chênh lệch mở rộng. Theo Tổng cục thống kê nhà nước, năm 2004 số nông dân có thu nhập dưới 600 NDT là 2,25%; số có thu nhập từ 601 - 1000 NDT chiếm 6,07%; thu nhập từ 1001 - 3000 NDT chiếm 51,37%; thu nhập từ 3001 - 5000 NDT chiếm 25,29%; thu nhập trên 5000 NDT chiếm 15,02%. Qua những con số trên có thể thấy mức độ phân hoá về tài sản và thu nhập.

Bốn là, nông dân yếu thế. Nông dân bị coi là nhóm người yếu thế, không ít người hô hào phải dành cho nông dân đãi ngộ quốc dân. Nông dân là nhóm người yếu thế thể hiện ở việc hiện nay quyền tài sản ở nông thôn vẫn chưa rõ ràng. Nông dân không có quyền lợi bảo vệ ruộng đất khoán, thậm chí nhà ở của mình. Họ không thể bảo vệ ruộng đất khoán, bởi vì ruộng đất đó có thể bị trưng dụng bất cứ lúc nào. Họ không

thể bảo vệ nhà cửa của mình bởi có thể bị di dời, giải phóng mặt bằng bất cứ lúc nào. Bởi lẽ đất ở thuộc sở hữu tập thể, nông dân không có quyền đem ra thế chấp để vay ngân hàng. Mấy năm trước có phong trào lấy đất làm khu công nghiệp, vườn khoa học hay khu các trường đại học, dẫn tới hơn 360.000 km² (khoảng 54 triệu mẫu đất) bị chiếm dụng, hơn 40 triệu nông dân bị mất đất. Nông dân không có khả năng bảo vệ mảnh đất mình canh tác, cho thấy quyền lực của nông dân quá yếu. Rất may, Trung ương Đảng và Quốc vụ viện đã áp dụng một số biện pháp để ngăn chặn tình trạng này. Ngoài ra còn có vấn đề yếu kém về tổ chức. Công nhân có Công đoàn, phần tử trí thức có các hiệp hội, các ông chủ cũng có hiệp hội công thương hay tổ chức các câu lạc bộ. Họ làm như thế đều có tổ chức, có thể bảo và đấu tranh cho quyền lợi của mình. Song nông dân không có tổ chức “nông hội” của mình, việc bảo vệ và đấu tranh cho quyền lợi của nông dân rất khó khăn².

III. VẤN ĐỀ NÔNG THÔN

Trước cách mạng Tân Hợi năm 1911, trong thời kì xã hội phong kiến, chính quyền Trung ương chỉ quản lí tới huyện, cử quan huyện tới phụ trách. Cấp xã đều do các cường hào hay quản lí tự trị. Thời dân quốc đã đề xướng về tự chủ thôn dân, tại một số tỉnh có thành lập các khu hay các huyện, sau đó do các quan huyện phải cử người phụ trách các khu hay các xã. Từ năm 1954, xác định rõ chính quyền Hương trấn là tổ chức chính quyền cấp , trong đó có ủy ban nhân dân xã (trấn). Năm 1958, thực hiện công xã nhân dân hóa, thực hiện hợp nhất chính quyền. Các sự vụ hành chính do ủy ban công xã tiến hành, Công xã thực hiện “Ba cấp sở hữu, đội làm cơ sở”. Công xã chia làm đại đội sản xuất, đại đội sản xuất có các tổ sản xuất. Công xã, đại đội và tiểu đội vừa là tổ chức kinh tế tập thể, vừa là tổ chức hành chính. Đưa 500 triệu nông dân trong toàn quốc gom về thể chế công xã nhân dân.

Năm 1983, xóa bỏ thể chế công xã nhân dân, chuyển công xã thành chính quyền nhân dân Hương trấn, đổi đại đội sản xuất thành ủy ban thôn dân, chuyển đội sản xuất thành các tiểu tổ thôn dân. Tới năm 1984 đã thành lập được 91.171 chính quyền nhân dân hương trấn, 926.439 ủy ban thôn dân, tổng số nông hộ là 187,92 triệu hộ, dân số nông thôn là 843 triệu người³. Tới năm 2004, số hương trấn là 36.952, ủy ban thôn dân là 652.718, số nông hộ là 249,71 triệu hộ, dân số nông thôn là 942,53 triệu người⁴.

Tại sao tổng số nông hộ và dân số nông thôn tăng như vậy trong khi số hương trấn và số thôn giảm xuống? Nguyên nhân như sau: Một là, hơn 20 năm qua Trung Quốc trong giai đoạn đô thị hóa qui mô lớn. Năm 1984 chỉ có 297 thành phố, 2968 trấn, tới năm 2004 toàn quốc có 661 thành phố (Bình quân tăng mỗi năm 18 thành phố), 19883 trấn (tăng bình quân năm là 845). Đồng thời, số xã và thôn giảm mạnh, từ năm 1984 - 2004 giảm 54219 xã (mỗi năm giảm 2719 xã), số thôn giảm 273721 (mỗi năm giảm 13686). Số thôn giảm nhiều có nguyên nhân quan trọng là các đô thị mở

² Niên giám thống kê Trung Quốc năm 2005, Nxb Thống kê, trang 359.

rộng, một số xã thôn chuyển thành các phường hay khu của thành phố. Ví như thành phố Quảng Châu, năm 1978 chỉ có 87km², tới năm 2003 đã mở rộng ra mấy lần. Có khoảng 10 hương trấn, hơn 150 thôn bị đô thị hóa. Một nguyên nhân quan trọng khác là sau thập kỉ 90, Nhà nước điều chỉnh khu vực hành chính của một số huyện, sáp nhập nhiều thôn xã. Ví như năm 2000, toàn quốc có 43735 hương trấn, năm 2004 còn có 36952, giảm 6783, bình quân mỗi năm giảm 2261. Năm 2000, số thôn hành chính là 734715, năm 2004 còn 652718, giảm 81997, bình quân mỗi năm giảm 27332 thôn. Năm 1980, toàn quốc có 3,65 triệu thôn tự nhiên, năm 2004 chỉ còn lại 2,57 triệu thôn.

Trên đây là thay đổi tổ chức hành chính thôn của Trung Quốc. Về mặt phát triển nông thôn từ khi thành lập nước CHND Trung Hoa, đặc biệt là từ khi cải cách mở cửa, nông thôn đã tiến hành xây dựng với quy mô lớn, bộ mặt nông thôn đã diễn ra những thay đổi mang tính căn bản. Hiện nay trong số các hương trấn có tới 95% số thôn hành chính đã có liên thông đường bộ, hơn 90% số thôn thông đường điện, điện thoại, xem được ti vi. Từ năm 1980 trở lại đây, bình quân hàng năm có 2% số hộ dân xây dựng nhà ở mới, diện tích đưa vào sử dụng lên tới 400 triệu m², trong đó 70% là nhà khang trang, cũng có người đã xây biệt thự. Cuối năm 2004, số diện tích nhà ở nông thôn đạt 20,5 tỷ m², diện tích nhà ở bình quân 17,9m². Các đồ dùng điện máy,... đã bước vào nông hộ với số lượng lớn. Năm 2004, cứ 100 nông hộ có 75 ti vi màu, 37,3 máy giặt, 17,8 tủ lạnh. Sự nghiệp giáo dục nông thôn cũng có bước phát triển lớn, giáo dục nghĩa vụ 9 năm được phổ cập cơ bản, số thanh niên mù chữ giảm xuống dưới 10%.

So với trước cải cách năm 1978, nông thôn Trung Quốc đã có bước phát triển lớn, nhưng so với phát triển kinh tế từ cải cách mở cửa đến nay, đặc biệt là so với phát triển thành thị thì nông thôn vẫn chậm phát triển, có khoảng cách xa so với phát triển của đô thị, thể hiện sự không nhịp nhàng. Biểu hiện như sau:

Một là, thu nhập cư dân thành thị và nông thôn ngày càng chênh lệch. Sau thế chiến lần thứ II, các nước và lãnh thổ như Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan trong quá trình kinh tế phát triển nhanh, chênh lệch thành thị nông thôn thu hẹp lại. Thời kỳ đầu cải cách mở cửa (1978 - 1984) chênh lệch thành thị nông thôn thu hẹp lại, song từ năm 1985, chênh lệch thành thị nông thôn bắt đầu mở rộng, đặc biệt từ năm 1997 khoảng chênh lệch mở rộng liên tục. Tuy đã áp dụng một số biện pháp, song xu thế mở rộng chênh lệch thành thị nông thôn vẫn không thay đổi.

Bảng 2: Tình hình thu nhập của cư dân thành thị và nông thôn

STT	Năm	1978	1985	1990	1995	1997	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005
1	Thu nhập khả dụng của cư dân thành thị	343	739	1510	1577	5160	5854	6280	7703	8472	9422	10493	

	(NDT)												
2	Thu nhập thuần của nông dân (NDT)	134	398	686	1578	2090	2210	2253	2366	2476	2622	2936	3255
3	Mức chênh lệch nông thôn: thành thị	1: 2,57	1: 1,8	1: 2,2	1: 2,72	1: 2,41	1: 2,65	1: 2,79	1: 2,9	1: 3,11	1: 3,23	1: 3,21	1: 3,22

Hai là, chênh lệch tiêu dùng cư dân thành thị nông thôn. Năm 1985, chi tiêu sinh hoạt bình quân của cư dân thành thị là 637 NDT, tiêu dùng của cư dân nông thôn là 317 NDT, mức chênh lệch là 1: 2,12. Năm 2003, chi tiêu của cư dân thành thị đạt 6511, tiêu dùng cư dân nông thôn là 1943 NDT, mức chênh là 1: 3,35. Thực tế chênh lệch còn lớn hơn, bởi vì cư dân thành thị được hưởng các loại trợ cấp, bù giá, còn nông dân thì không được. Ví như trợ cấp nhà ở, trợ cấp y tế, bù giá điện thoại, khí gaz,...

Năm 1978, số nông dân chiếm 82,1% tổng dân số toàn quốc, mức tiêu dùng của nông dân chiếm tổng mức bán lẻ hàng tiêu dùng xã hội là 67,6%. Năm 2003, nông dân chiếm 70,5% tổng dân số toàn quốc, trong khi chỉ mua 35,1% hàng tiêu dùng của xã hội. Như vậy sức mua của ba nông dân không bằng một cư dân thành thị. Mức tiêu dùng của nông dân còn lạc hậu hơn mức tiêu dùng của cư dân thành thị từ 10 - 15 năm. Điều này cho thấy, nông dân không được hưởng lợi từ kinh tế tăng trưởng cao do cải cách mở cửa đem lại. Đây cũng là một nguyên nhân quan trọng của việc khó kích cầu, nhiều hàng tiêu dùng không bán được.

Ba là, sự nghiệp xã hội nông thôn như giáo dục, y tế, ... phát triển chậm. Phát triển xã hội chậm hơn phát triển kinh tế, và chậm hơn sự phát triển xã hội ở thành thị. Hiện nay, mức chênh lệch kinh tế thành thị nông thôn lớn, chênh lệch về phát triển xã hội giữa thành thị và nông thôn còn lớn hơn. Hiện nay, phần lớn các thành phố vừa và lớn đã phổ cập xong giáo dục trung học cơ sở, trong khi nông thôn miền Trung và miền Tây có nơi còn chưa phổ cập xong giáo dục nghĩa vụ 9 năm, đặc biệt là tiểu học và trung học cơ sở, nhiều học sinh bỏ học giữa chừng. Có nơi, năm thứ nhất của trung học cơ sở (lớp 6) có ba lớp, năm thứ hai còn hai lớp và năm thứ ba chỉ còn một lớp. Trong số 490 triệu lực lượng lao động nông thôn hiện nay, số tốt nghiệp trung học phổ thông chỉ chiếm 13%, số tốt nghiệp trung học cơ sở chiếm 50,3%, tốt nghiệp tiểu học chiếm 29,2%, mù chữ và bán mù chữ chiếm 7,5%. Số năm được giáo dục chưa đạt 8 năm. Chênh lệch về giáo dục như thế này thì thu hẹp chênh lệch thành thị nông thôn càng khó.

Chênh lệch thành thị nông thôn về y tế càng lớn hơn, bởi vì cư dân thành thị có

bảo hiểm y tế hoặc y tế công phí, y tế hợp tác của nông thôn trước đây bây giờ hầu như không còn (hiện đang hô hào khôi phục). Nông dân khám bệnh khó, khám bệnh đắt hơn thành thị. Nông thôn lạc hậu, mức sống thấp và thiếu y bác sỹ, thiếu thuốc men đã lâu. Sự chênh lệch thành thị nông thôn này đã ảnh hưởng tới thế hệ tương lai của chúng ta. Theo điều tra dinh dưỡng năm 2000, độ cao của trẻ em 6 tuổi ở nông thôn là 1,1m, trong khi ở thành thị là 1,13m, chênh nhau 3cm, thanh niên 16 tuổi ở nông thôn là 1,58m, trong khi ở thành thị là 1,64m, chênh nhau 6cm. Hiện nay, các bệnh hay phát sinh ở thành phố (là những bệnh do giàu có) như cao huyết áp, mỡ trong máu, đái đường, thì nông thôn chủ yếu là các bệnh viêm gan, lao phổi, các bệnh địa phương ... (các bệnh do nghèo).

Bốn là, thành thị và nông thôn chênh lệch về cơ sở hạ tầng. Từ giữa những năm 1990 trở lại đây, tài chính tập trung về thành thị, đặc biệt là tập trung về miền Đông duyên hải, về các thành phố vừa và lớn, cộng với nguyên nhân đất đai sinh lời. 10 năm qua, các thành phố ở Trung Quốc xây dựng nhanh chóng, nhiều nhà cao, đường to, quảng trường lớn, cầu vượt, vườn hoa, đài phun nước, thảm cỏ,... sánh với nước ngoài, xây dựng đô thị tương đối tốt. Song, những năm qua, nông thôn đặc biệt là nông thôn miền Tây đã cống hiến to lớn cho thành thị, cung cấp hàng triệu lao động nông dân, hiến hàng triệu mẫu đất, bao nhiêu phong cảnh, làng mạc, trong khi bản thân nông thôn không có được sự phát triển tương ứng khi kinh tế cất cánh, cơ sở hạ tầng kém phát triển. Một số nơi đường cao tốc đi qua thôn, trong khi đường trong thôn vẫn là đường đất, rách thải chất đống, nước ô nhiễm, người và gia súc vẫn ở gần nhau. Hiện nay vẫn còn 4% số thôn chưa có đường ô tô, 7% thôn chưa có điện thoại, 46% số thôn chưa có đường nước, gần 300 triệu nông dân chưa sử dụng nước sạch, hệ thống nước thải của nông thôn phần lớn không có, hệ thống vệ sinh cũng kém. Có bạn nước ngoài đã nói: Thành phố của Trung Quốc xây dựng như Châu Âu, nông thôn như Châu Phi. Câu nói này quả cũng không sai. Mức chênh lệch thành thị nông thôn như thế chẳng lẽ cứ để kéo dài mãi sao?

Nông thôn thành thị chênh lệch lớn như vậy, vấn đề nông thôn và nông dân còn rất nghiêm trọng. Do vậy, từ năm 2002, lãnh đạo và các ban ngành đã rất quan tâm, áp dụng nhiều biện pháp nhằm thay đổi. Có mặt đã khởi sắc, ví như giảm miễn thuế nông nghiệp, được bà con nhiệt liệt hoan nghênh, song tình hình phát triển chung vẫn chưa mấy lạc quan. Chênh lệch thành thị nông thôn vẫn mở rộng. Tại sao thế? Bởi vì chúng ta thực hiện thể chế kinh tế kế hoạch quá lâu, thực hiện chính sách “phân trị thành thị nông thôn, một nước hai chính sách”, hình thành nên cơ cấu nhị nguyên thành thị nông thôn đặc sắc Trung Quốc, hơn nữa thể chế này chưa được đổi mới tương ứng. Nói cho cùng, vấn đề “tam nông” chồng chất như thế là bởi vì tồn tại những trở ngại mang tính thể chế, mang tính cơ cấu. Không điều chỉnh cơ cấu, không cải cách thể chế thì vấn đề vẫn mãi không thể giải quyết. Năm 2004, nông nghiệp chiếm tỷ trọng 13,1% trong tổng GDP toàn quốc, trong khi lao động nông nghiệp chiếm 46,9% tổng lực lượng lao động, dân số nông thôn chiếm 59% tổng dân số toàn quốc, dân số nông nghiệp chiếm 70%. Cơ cấu kinh tế xã hội như thế, không tiến hành điều

chỉnh cơ cấu thì nông dân làm sao mà không nghèo, nông thôn làm sao mà không lạc hậu? muốn điều chỉnh cơ cấu không hợp lý này, phải tiến hành cải cách. Phải cải cách các chế độ hình thành trong thể chế kinh tế kế hoạch như chế độ hộ khẩu, việc làm, nhân sự, an ninh xã hội, phải căn cứ theo yêu cầu của thể chế kinh tế thị trường XHCN, xây dựng thể chế mới tương ứng, thay đổi cơ cấu nhị nguyên kinh tế xã hội thành thị nông thôn, xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN mới thống nhất giữa thành thị và nông thôn.

Tháng 10 năm 2005, Hội nghị TW 6 khóa 16 của ĐCS Trung Quốc đã nêu ra nhiệm vụ chiến lược xây dựng nông thôn mới XHCN. Đây là việc quán triệt quan niệm phát triển khoa học, thống lĩnh toàn cục phát triển kinh tế xã hội, là quyết sách lớn thể hiện yêu cầu xây dựng xã hội hài hòa XHCN. Hiện nay, căn cứ theo phương châm “sản xuất phát triển, đời sống khá giả, thôn làng văn minh, thôn xóm sạch sẽ, quản lý dân chủ” để phối hợp thúc đẩy xây dựng kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội nông thôn. Trong đó một nhiệm vụ quan trọng là tiếp tục đi sâu cải cách, chuyển biến cục diện cơ cấu kinh tế xã hội nhị nguyên thành thị nông thôn, xây dựng cơ chế mới thể chế mới, điều chỉnh cơ cấu, từng bước giải quyết tốt vấn đề tam nông, làm cho thành thị và nông thôn phát triển nhịp nhàng, kinh tế xã hội phát triển hài hòa, thúc đẩy chung sự nghiệp vĩ đại xây dựng hiện đại hóa XHCN Trung Quốc.